

[porno](#) [porn](#)

Hạch toán công phí thuế theo mệnh giá



Theo ĐTCK số 83, đã có bài viết “Công phí thuế có thể là bất cập hay không” của ông Huy Nam, trong đó giới thiệu phương pháp hạch toán công phí thuế theo giá trị. Lần này, tác giả tiếp tục giới thiệu phương pháp hạch toán công phí thuế theo mệnh giá và nhận thấy, nếu có một cách làm khác đi hai cách này, thì đó không thể được xem là giao dịch công phí thuế theo đúng bản chất nghiệp vụ kế toán.

Phương pháp hạch toán

Trong phần “phương thức hạch toán giá trị”, ta đã biết cách hạch toán giá trị xem việc mua công phí thuế là giao dịch tạm thời giữa bên bán và bên mua. Việc mua lần này được ghi nhận vào một tài khoản để riêng và tài khoản bên bán sẽ là (tài khoản công phí thuế) để ghi nhận nguồn vốn bên bán sẽ là.

Với phương thức hạch toán mệnh giá, ta sẽ thay cách nhìn nhận khác hơn. Theo đó, công phí thuế “b” xem là sẽ được hạch toán ngay sau giao dịch mua lần đầu. Nguyên tắc chung của cách hạch toán mệnh giá là việc nó tác động trực tiếp đến vốn góp của bên bán, làm giảm ngay vốn mệnh giá (tức của bên bán) và tăng lên trên sổ sách. Nếu giá mua lần đầu cao hơn nguyên giá sổ sách, thì khoản chênh lệch “b” lần đầu này sẽ được trừ ngay vào tài khoản lần đầu như sau:

Cách hạch toán mệnh giá được tiến hành bằng bút tích ghi nợ tài khoản công phí thuế khoản mệnh giá, ghi nợ tài khoản tăng lên vốn khoản chênh lệch giữa nguyên giá và mệnh giá và ghi có tài khoản tiền mặt.

Ví dụ minh họa:

Phân công pháp hạch toán cổ phiếu u theo mệnh giá

Viết bởi Administrator

Thứ hai, 01 Tháng 10 2012 02:32 - Lần cập nhật cuối Thứ hai, 05 Tháng 11 2012 01:20

Để minh họa, ta lấy ví dụ ghi nợ hàng hợp hạch toán giá vốn để tiện so sánh. DN có phần có nguồn vốn chủ sở hữu trong bảng tổng kết toán như sau (Bảng 1).

Bảng 1		
Nguồn vốn chủ sở hữu		
Cổ phần phổ thông mệnh giá \$1		\$25.000
Số cổ phần đã phát hành: 25.000 CP		
Thặng dư vốn CP (so với mệnh giá)		\$25.000
Lợi nhuận giữ lại		\$15.283
Tổng nguồn vốn chủ sở hữu		\$65.283

Bảng 2		
Tài khoản	Nợ	Có
Cổ phiếu quỹ	\$1.000	-
Thặng dư vốn CP	\$1.000	-
Lợi nhuận giữ lại (\$2 x 1.000 CP)	\$3.000	-
Tiền mặt	-	\$5.000

Bảng 3		
Nguồn vốn chủ sở hữu		
Cổ phần phổ thông mệnh giá \$1		\$24.000
Số cổ phần đã phát hành: 25.000 cổ phiếu, trong đó có 1.000 cổ phiếu là cổ phiếu quỹ		
Thặng dư vốn cổ phần (so với mệnh giá)		\$24.000
Lợi nhuận giữ lại		\$12.283
Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu		\$60.283

Bảng 4		
Tài khoản	Nợ	Có
Tiền mặt	\$1.400	-
Cổ phiếu quỹ (200 x \$1)	-	\$200
Thặng dư vốn cổ phần (CPQ)	-	\$1.200

Bảng 5		
Tài khoản	Nợ	Có
Tiền mặt	\$900	-
Cổ phiếu quỹ (200 x \$1)	-	\$200
Thặng dư vốn cổ phần (phổ thông)	-	\$600

Bảng 6		
Nguồn vốn chủ sở hữu		
Cổ phần phổ thông mệnh giá \$1		\$24.500
Số cổ phần đã phát hành: 25.000 CP, trong đó có 500 CP là cổ phiếu quỹ		
Thặng dư vốn góp		\$25.800
Lợi nhuận giữ lại (2.500 USD bị chốt giữ cho giá vốn CPQ)		\$12.283
Tổng cộng nguồn vốn chủ sở hữu		\$62.583

Bảng 7		
Tài khoản	Nợ	Có
Cổ phần phổ thông	\$500	-
Cổ phiếu quỹ	-	\$500

Nguyên iá cổ phiếu u theo sổ sách trong ví dụ này là 2 USD/CP (mệnh giá 1 USD, thặng dư vốn 1 USD). Nếu DN mua lại 1.000 cổ phiếu u phổ thông đã phát hành với giá 5 USD/CP (cao hơn nguyên giá 3 USD/CP), thì DN sẽ thực hiện bút tích như kế toán như trong Bảng 2.

Cổ phiếu u quỹ được ghi nhận đúng với giá trị mệnh giá ban đầu (chưa tách/gộp) là 1.000 USD, tài khoản thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận 1.000 USD theo nguyên giá sổ sách. Để ng thi, DN ghi nợ vào tài khoản lợi nhuận giữ lại 3.000 USD - là chênh lệch giữa giá mua lại và nguyên giá sổ sách (5.000 USD - 2.000 USD). Về nguyên lý, khoản ghi nợ vào tài khoản lợi nhuận giữ lại này (3.000 USD) được xem như phần “cắt” phân bổ ngay cho hàng cổ đông (cho lợi nhuận cổ phần) đã rút ra khỏi DN. Trong khi khoản tiền theo mệnh giá ghi nhận ở tài khoản cổ phiếu u quỹ thì hiện sẽ rút bớt số cổ phiếu u đang lưu hành (đây là 1.000 cổ phần).

Hiện tại các nhà phân công hạch toán theo mệnh giá và cổ phiếu u quỹ trên bảng tổng kết toán

nhằm trong Bảng 3.

Mức tăng nguồn vốn chủ sở hữu đã giảm đi 5.000 USD (vốn mệnh giá giảm 1.000 USD, tăng dự trữ giảm 1.000 USD, lợi nhuận giữ lại giảm 3.000 USD) và còn lại 60.283 USD. Điều này cho thấy, mức độ có sự khác biệt về chi tiết kế toán, nhưng nếu so với phân pháp kế toán giá vốn, thì cả hai đều cho kết quả như nhau. Vậy có thể nói, về mặt tài chính, tuy chi tiết về dòng đi nhập có khác nhau, nhưng cả hai phân pháp đều có cùng đích đến là giảm thiểu mất và giảm nguồn vốn chủ sở hữu.

Về kế toán, phân pháp mệnh giá làm giảm các tài khoản vốn chủ sở hữu một cách trực tiếp ngay sau giao dịch, mức độ trong thực tế “cổ phiếu qu” vốn được duy trì cho đến khi thực sự bán hủy bỏ. Trong khi đó, phân pháp kế toán giá vốn thì chỉ tạm thời làm giảm vốn chủ sở hữu thông qua một tài khoản trung gian (về tài khoản vốn chủ) và được liệt kê riêng trên bảng cân đối kế toán. Việc giảm vốn tạm thời thông qua tài khoản trung gian này sẽ được loại trừ khi nào DN bán lại hoặc hủy bỏ cổ phiếu qu đã mua.

Giả định DN tái phát hành (bán lại) 200 cổ phiếu (trong số cổ phiếu qu đã mua) với giá 7 USD/CP (bán cao hơn giá vốn 2 USD/CP). Khi đó, DN sẽ ghi nợ khoản tiền nhận được vào tài khoản tiền mặt, ghi có vào tài khoản cổ phiếu qu khoản mệnh giá ban đầu, ghi có vào tài khoản tăng dự trữ khoản thu cao hơn mệnh giá ban đầu (điều này sẽ cổ phần đã tái phát hành). Giao dịch này rất giống với phát hành cổ phiếu bình thường, chỉ khác là giao dịch này đây tính riêng cho các cổ phiếu qu (Bảng 4).

Nếu DN tiếp tục bán lại 300 cổ phiếu với giá 3 USD/CP (bán thấp hơn giá vốn 2 USD/CP), thì các bút toán được ghi nhận như trong Bảng 5. Khi đó, mức vốn chủ sở hữu trên bảng tăng kết kế toán DN được thể hiện như trong Bảng 6.

Vốn theo mệnh giá tăng lại 500 USD (200 + 300), tăng dự trữ tăng 1.800 USD (1.200 + 600). Cần lưu ý là lợi nhuận giữ lại dù bị trích trừ trước đây không tăng lại, do tiền thu về từ việc tái phát hành cổ phiếu qu chỉ làm tăng vốn góp.

Giá trị tăng nguồn vốn chủ sở hữu đến đây bảng đúng với khoản này khi ta dùng phân pháp thực giá vốn. Sự khác biệt của phân pháp thực chế yếu là việc cổ phiếu qu làm giảm trực tiếp giá trị mệnh giá nhập của cổ phiếu nguyên thủy. Điều này như quán với quan điểm việc mua cổ phiếu

Phương pháp hạch toán cổ phiếu u theo mệnh giá

Viết bởi Administrator

Thứ hai, 01 Tháng 10 2012 02:32 - Lần cập nhật cuối Thứ hai, 05 Tháng 11 2012 01:20

Quỹ thực hiện theo phương pháp mệnh giá để xem như việc hủy bỏ số cổ phiếu đó. Ở đây, do DN mua lại 1.000 cổ phiếu u và tái phát hành 500 cổ phiếu u, giao dịch này thực tế đã làm giảm giá trị mệnh giá cổ phiếu u thông là 500 USD, giảm thặng dư vốn nguyên thủy 500 USD và bất kỳ khoản nào liên đến mệnh giá khi tái phát hành (bán lại) sẽ làm tăng thặng dư vốn (trợ ứng hợp này là 1.800 USD).

Cuối cùng, nếu DN chính thực quy định hủy 500 cổ phiếu u quỹ còn lại thì bút toán ghi nhận sẽ như sau (Bảng 7).

DN ghi có cổ phiếu u quỹ để loại bỏ số dư tài khoản này và chuyển khoản giảm vốn này vào cổ phiếu u thông (số dư lúc này là 24.500USD). Điều đáng ghi nhận của phương pháp hạch toán mệnh giá là việc nó cho cái nhìn rõ số cổ phiếu u bỏ loại ra khỏi “cuộc chơi” (lưu ý thực sự lưu hành), là điều mà phương pháp giá vốn khó thực hiện.

Kết luận

Việc hạch toán cổ phiếu u quỹ cần được thực hiện hoặc theo giá vốn hoặc theo mệnh giá. Nếu có một cách làm khác đi hai cách chính thống đã được trình bày, thì đó không thể được xem là giao dịch cổ phiếu u quỹ theo đúng bản chất nghiệp vụ kế toán. Yêu cầu mục đích thực hiện trong hạch toán theo cách thứ ba chỉ giúp hạn chế cách hiểu sai lệch, cách làm đúng đắn, là cần sự cho hiểu rõ các quy định pháp lý liên quan và thực tiễn số nhận được thêm niềm tin.

Người viết VACPA.org.vn (Huy Nam, CV Kinh tế Tài chính CK- Giảng viên CFO, PFA /PAC - ĐTCK